TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09-4-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Liêm

Bà Nguyễn Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Hồ Văn Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026, về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thảo V, sinh năm 1994, địa chỉ: Thôn M, xã P, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: Anh Thái Viết V, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn Y, xã T, thành phố Đà Nẵng.

Chị V và anh V đều vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thảo V trình bày:

Chị và anh Thái Viết V tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Quảng Nam vào năm 2016. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V đánh bài trên mạng, chị đã khuyên anh V nhiều lần nhưng không có kết quả, anh V không thay đổi dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V. Về con chung, anh chị có 01 con chung là Thái Viết Đ, sinh ngày 04/02/2017. Khi ly hôn, chị yêu cầu giao con chung Thái Viết Đ cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục cho đến khi thành niên, đủ 18 tuổi. Chị có chỗ ở ổn định, chị làm nghề về tóc, thu nhập mỗi tháng 10.000.000 đồng, thời gian làm việc linh hoạt đảm bảo lo cho con; từ trước đến nay con đã ở với chị và do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn. Về tài sản chung và nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên toà chị V vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai, phiên hòa giải, bị đơn anh Thái Viết V trình bày:

Anh và chị V tự nguyện tìm hiểu đến với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Quảng Nam vào năm 2016. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Nay chị V yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì anh thấy tình cảm vẫn còn, muốn vợ tha thứ cho anh. Về con chung, vợ chồng có 01 con chung là Thái Viết Đ, sinh ngày 04/02/2017. Nếu chị V kiên quyết yêu cầu ly hôn thì anh yêu cầu giao con chung cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, đủ 18 tuổi. Anh ở chung với cha mẹ, làm nghề tự do, thu nhập mỗi tháng 10.000.000 đồng, thời gian làm việc theo giờ hành chính đảm bảo lo được cho con. Anh không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, anh không yêu cầu giải quyết. Tại phiên toà anh V vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị V về hôn nhân và con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thảo V yêu cầu ly hôn với anh Thái Viết V, hiện anh V cư trú tại thôn Y, xã T, thành phố Đà Nẵng; căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyết giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đà Nẵng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị V và bị đơn anh V đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị V và anh V.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Thảo V và anh Thái Viết V tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Quảng Nam vào năm 2016 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị V và anh V thì thấy: chị V trình bày chị và anh V chung sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V cờ bạc, đến nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh V thì cho rằng vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nhưng anh không thống nhất ly hôn vì cho rằng vợ chồng còn tình cảm. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo mở phiên họp hoà giải để vợ chồng anh chị hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả; anh V cũng không có giải pháp gì để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, xây dựng hạnh phúc gia đình. Qua xác minh nơi chị V, anh V sinh sống, Hội liên hiệp Phụ nữ xã T cung cấp thông tin do anh V bài bạc, chị V đã khuyên nhưng anh V không bỏ, mâu thuẫn đã trầm trọng.

Như vậy, mâu thuẫn giữa chị V và anh V đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị V là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

2.2. Về nuôi con chung: chị V và anh V có 01 con chung là Thái Viết Đ, sinh ngày 04/02/2017. Khi ly hôn chị V và anh V đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, chị V có công việc thu nhập ổn định và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Đ khi ly hôn. Hiện cháu Đ đang ở với chị V và phát triển bình thường. Cháu Đ đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng ở với mẹ. Như vậy, việc giao cháu Đ cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V.

Chị V và anh V không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về chia tài sản và về nợ chung: Chị V và anh V đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thảo V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thảo V ly hôn với anh Thái Viết V.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung là Thái Viết Đ, sinh ngày 04/02/2017 cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh V không cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn.

Anh V có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị V phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng chị V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000098, ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Chị V đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- VKSND Khu vực 7 – Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 7 – Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Quân